TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v Tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tống Thị Phương M**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Hội A, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Đào Thái L**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn Tân Ch, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tống Thị Phương M trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau năm 2011, việc chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Ch, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và một số vấn đề khác dẫn đến vợ chồng hay cãi vã và đã ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Đào Thái B, sinh ngày 13/11/2012 và Đào Bảo C, sinh ngày 10/9/2015; hiện nay 02 con chung đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Thái L trình bày: Anh thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2011, việc chung sống có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống và một số vấn đề khác dẫn đến vợ chồng hay cãi vã và đã ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 người con chung như chị M trình bày và hiện 02 cháu đang sống với chị M. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh L; Về con chung yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có.

Anh Đào Thái L trình bày: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với chị M; Về con chung đồng ý để chị M trực tiếp nuôi 02 con chung; Về tài sản không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị Phương M và anh Đào Thái L.

- Về con chung: Ghi nhận anh L đồng ý để chị M trực tiếp nuôi 02 cháu Đào Thái B, sinh ngày 13/11/2012 và Đào Bảo C, sinh ngày 10/9/2015. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị M, anh L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M, anh L trình bày không thiếu nợ ai.

- Về án phí: Chị Tống Thị Phương M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị M và anh L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị M yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh L là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị M và anh L sinh được 02 con chung tên Đào Thái B, sinh ngày 13/11/2012 và Đào Bảo C, sinh ngày 10/9/2015, hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị M. Tại phiên tòa chị M yêu câu được nuôi 02 cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh L đồng ý để chị M nuôi 02 cháu. Xét thấy thỏa thuận trên là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận. Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận chị M, anh L không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị M, anh L trình bày không có.

[5] Về án phí: Chị Tống Thị Phương M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị Tống Thị Phương M và anh Đào Thái L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận anh L đồng ý để chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu 02 con chung tên Đào Thái B, sinh ngày 13/11/2012 và Đào Bảo C, sinh ngày 10/9/2015. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đào Thái L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị M, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị M, anh L trình bày không có.

2. Về án phí: Chị Tống Thị Phương M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025323 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị M, anh L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Minh Tuấn